TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Cao Thị Lệ Pha

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp E, xã G, tỉnh Cà Mau. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trương Văn S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp E, xã G, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị M, trình bày: Vào năm 2018, bà M và ông Trương Văn S tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Cà Mau), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79/2018, ngày 03 tháng 8 năm 2018.

Bà M và ông S chung sống hạnh phúc với nhau được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng. Ông S uống rượu nhiều hơn, những lúc say rượu hay vô cớ kiếm chuyện gây bất hòa với bà M. Thỉnh thoảng khi say rượu, ông S còn có hành vi bạo lực đối với bà M. Sau những lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng bà M và ông S đã không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông S.

Trong quá trình chung sống, bà M và ông S sinh được ba người con chung là Trương Gia H, sinh ngày 13/8/2018, cháu Trương Gia H1, sinh ngày 30/11/2019 và cháu Trương Minh K, sinh ngày 02/4/2024. Hiện nay các con chung vẫn đang sống chung nhà với bà M và ông S và chủ yếu do bà M chăm sóc, lo lắng cho các cháu trong sinh hoạt hằng ngày. Khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có tạo lập tài sản chung và cũng không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn ông Trương Văn S: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông S đến Tòa án, nhưng ông S không đến Tòa án làm việc, không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M cũng như không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông S. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà M cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông S, xử cho bà M được ly hôn với

ông S. Về con chung, giao các cháu Trương Gia H, sinh ngày 13/8/2018, Trương Gia H1, sinh ngày 30/11/2019 và Trương Minh K, sinh ngày 02/4/2024 cho bà M tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà M không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà M yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn S và hiện nay ông S đang cư trú tại ấp E, xã G, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã triệu tập ông S tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng cả hai lần ông S đều vắng mặt không có lý do và bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông S.

[3] Về hôn nhân: Bà M và ông S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Cà Mau), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79/2018, ngày 03 tháng 8 năm 2018 nên hôn nhân giữa bà M và ông S là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà M yêu cầu được ly hôn với ông S vì cho rằng trong những năm gần đây, cả hai liên tục nảy sinh những bất đồng trong hôn nhân, cụ thể từ việc ông S thường xuyên uống rượu và sử dụng bạo lực đối với bà M. Giữa bà M và ông S đã không còn thương yêu nhau. Qua nội dung biên bản xác minh, xác định được hiện nay ông S vẫn đang sinh sống ổn định tại địa phương, biết việc bà M có yêu cầu ly hôn với ông nhưng với thái độ bỏ mặc, ông S đã không đến Tòa án để thể hiện ý kiến, nguyện vọng được hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà M. Điều này cho thấy, hôn nhân giữa bà M và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, xây dựng gia đình phát triển nhưng từ những chứng cứ trên cho thấy, mục đích hôn nhân giữa bà M và ông S không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông S, xử cho bà M được ly hôn với ông S.

[5] Về con chung: Khi ly hôn, bà M có yêu cầu nuôi cả ba người con chung là Trương Gia H, sinh ngày 13/8/2018, Trương Gia H1, sinh ngày 30/11/2019 và Trương Minh K, sinh ngày 02/4/2024. Qua ghi nhận ý kiến, cháu H thể hiện nguyện

vọng được sống chung với bà M khi cha mẹ ly hôn. Cháu Trương Gia H1 vẫn còn nhỏ, đồng thời là nữ nên sẽ phù hợp hơn khi giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc. Đối với cháu Trương Minh K tính đến thời điểm xét xử, cháu dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Hơn nữa, Hội đồng xét xử nhận thấy bản thân ông S cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên có cơ sở giao các cháu cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Bà M không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định bà M và ông S chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông S cũng không thể hiện ý kiến có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà M phải nộp 300.000 đồng. Bà M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011580 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị M đối với ông Trương Văn S. Xử cho bà Ngô Thị M được ly hôn với ông Trương Văn S.

2. Về con chung: Giao các cháu Trương Gia H, sinh ngày 13/8/2018, Trương Gia H1, sinh ngày 30/11/2019 và Trương Minh K, sinh ngày 02/4/2024 cho bà Ngô Thị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Ngô Thị M không có yêu cầu ông Trương Văn S cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Ông Trương Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà Ngô Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011580 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV8 - CM;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS KV8 – CM.
- UBND xã Gành Hào;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Huỳnh Ngọc Nhiều